

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 /8/2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Trần Thị Sâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp P Tây Hạ, xã Bk, huyện M, tỉnh B

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – Văn phòng Luật sư Vinh Phú, chi nhánh Mỏ Cày.

Bị đơn: Anh Dương Vĩnh P, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp Thị, xã H, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Dương Vĩnh P cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuần do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không thống nhất ý kiến trong hoạt động kinh tế, làm ăn thua lỗ nhưng anh Phú không nghe lời khuyên ngăn của chị mà ngược lại thường xuyên thể hiện bản tính gia trưởng chửi bới vợ con, ghen tuông vô cớ, anh P thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, có nhiều mối quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Dương Vĩnh Phú.

Quá trình chung sống chị và anh P có 02 con chung tên Dương Vĩnh Thi, sinh ngày 10/10/2017 và Dương Thảo M, sinh ngày 25/02/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung chị và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Dương Vĩnh P trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị Huyền T về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do xuất phát trong việc làm ăn, trong việc nuôi con cái. Anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu vợ chồng hàn gắn để cùng nhau lo cho con nhưng do chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Nếu chị T nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 6.000.000 đồng. Về tài sản chung tự thỏa thuận. Về nợ chung không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi 02 con chung do chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Huyền T đối với anh Dương Vĩnh Ph; giao 02 con chung là Dương Vĩnh Th, sinh ngày 10/10/2017 và Dương Thảo M, sinh ngày 25/02/2020 cho chị T nuôi, anh Dương Vĩnh P cấp dưỡng mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; tài sản chung chị T anh Phú tự thỏa thuận nên không xem xét; nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con với anh Dương Vĩnh P nên quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Vĩnh P có nơi cư trú tại ấp Thị, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Dương Vĩnh P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo lời trình bày của chị T thì quá trình chung sống đến cuối năm 2023 thì anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị yêu cầu ly hôn. Anh Dương Vĩnh P cho rằng anh và chị T có mâu thuẫn nhưng chủ yếu do mâu thuẫn về kinh tế và trong nuôi dạy con cái, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng chị T anh P không đảm bảo nguyên tắc này, anh chị đồng ý ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Dương Vĩnh P thống nhất có 02 con chung tên Dương Vĩnh Thi, sinh ngày 10/10/2017 và Dương Thảo M, sinh ngày 25/02/2020, các cháu đang sống bên gia đình chị T. Chị T và anh P đều có yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy, chị T anh P đều cho rằng có đủ điều kiện nuôi con nhưng qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của cháu Thi và cháu M hiện nay còn nhỏ, đang được phía chị T nuôi dưỡng tốt, đồng thời để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển bình thường của cháu Th và cháu M nên giao các cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Phú tự nguyện cấp dưỡng cháu Th, cháu M mỗi tháng là 3.000.000 đồng/cháu, chị T đồng ý với việc cấp dưỡng của anh P. Do đó, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng các cháu Th và M mỗi tháng 3.000.0000 đồng/cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được. Anh P được quyền thăm con chung, không ai được ngăn cản anh thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Dương Vĩnh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Dương Vĩnh P đều khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Phạm Thị Huyền T phải nộp theo quy định của pháp luật. Anh Dương Vĩnh P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với nghĩa vụ cấp dưỡng).

[6] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị Huyền T và anh Dương Vĩnh P.

2. Về con chung: Giao các cháu Dương Vĩnh Th, sinh ngày 10/10/2017 và Dương Thảo M, sinh ngày 25/02/2020 cho chị Phạm Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Vĩnh P có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh Dương Vĩnh P được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc hai bên đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Dương Vĩnh P tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Dương Vĩnh P đều khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí :

- Chị Phạm Thị Huyền T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002081 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (chị T đã nộp đủ án phí).

- Anh Dương Vĩnh P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử Pc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Hương Mỹ (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở